

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đề án xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình trường đại học thông minh

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3862/QĐ-BYT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết Phiên họp lần thứ 24 số 238/NQ-HĐTYDTB ngày 25/11/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình, nhiệm kỳ 2020-2025.

Căn cứ kết luận cuộc họp giữa Ban Thường vụ Đảng ủy - Thường trực Hội đồng trường - Ban Giám hiệu ngày 01/12/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình trường đại học thông minh.

(có văn bản kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

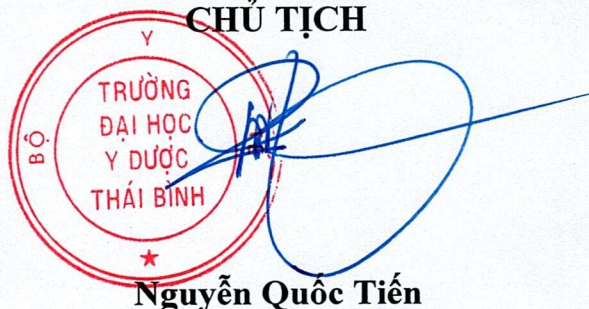
Điều 3. Các thành viên Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Lưu: VPĐU, VPHĐT.

u

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Quốc Tiến

ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH
ĐẠT CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÔNG MINH

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 242/NQ-HĐTYDTB ngày 02 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình)*

MỞ ĐẦU

Trường Đại học Y Dược Thái Bình với sứ mệnh phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bằng sông Hồng để đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực sức khỏe đa ngành, đa cấp đảm bảo chất lượng; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, cung cấp dịch vụ và sản phẩm vì mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Nhà trường luôn chú trọng đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, phát triển đội ngũ giảng viên, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Trải qua 57 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã có sự phát triển vượt bậc cả về quy mô, trình độ, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Năm 2003, Bệnh viện Đại học Y Thái Bình ra đời, càng khẳng định vị thế và uy tín của một trường đại học khối ngành khoa học sức khỏe. Đến nay (6/2025) Nhà trường đã đào tạo được trên 27.000 bác sĩ, dược sĩ cho đất nước; hơn 1200 bác sĩ, dược sĩ cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia và Cộng hòa Mô dăm bích. Nhà trường đã đào tạo tốt nghiệp cho hơn 3500 học viên sau đại học bao gồm Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa định hướng/cơ bản và kỹ thuật.

Cùng với công tác đào tạo hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo luôn là mục tiêu, động lực cho sự phát triển của Trường. Trong suốt quá

trình phát triển, hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường luôn đóng vai trò chủ đạo để tạo đột phá, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút các nguồn lực chất lượng cao, tạo ra các sản phẩm mới có hàm lượng khoa học công nghệ cao cho ngành Y, Dược phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác hội nhập, hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế vừa là mục tiêu vừa là phương thức để đẩy nhanh tốc độ hội nhập và tạo bứt phá cho phát triển khoa học và công nghệ của Trường. Bệnh viện Trường luôn ngày càng phát triển, là nơi nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật mới, sáng kiến, sáng chế, chuyển giao công nghệ mới, các thành tựu khoa học y học vào y tế phục vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe con người.

Trong giai đoạn chuyển đổi số mạnh mẽ của giáo dục đại học Việt Nam, Trường Đại học Y Dược Thái Bình xác định xây dựng Trường đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình Trường Đại học thông minh là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng Chiến lược phát triển của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chủ trương của Đảng, Nhà nước và xu thế toàn cầu. Xây dựng Trường đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình Trường Đại học thông minh không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, quản trị và phục vụ cộng đồng, mà còn tạo nền tảng để Nhà trường hội nhập mạnh mẽ vào hệ thống giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Đề án “*Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình Trường Đại học thông minh*” được xây dựng nhằm cụ thể hóa tầm nhìn phát triển Nhà trường trong giai đoạn mới; định hướng đầu tư đồng bộ từ hạ tầng số, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, quản trị đại học, nghiên cứu khoa học đến dịch vụ người học.

Đây là bước đi chiến lược, thể hiện quyết tâm của Nhà trường trong việc đổi mới toàn diện, hướng tới mục tiêu trở thành trường đại học y dược hiện đại, thông minh, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực y tế trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng.

1. Vị trí pháp lý

Trường Đại học Y Dược Thái Bình là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế, được thành lập theo Quyết định số 114/CP ngày 23/7/1968 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Phân hiệu Đại học Y khoa Thái Bình; Quyết định số 34/CP ngày 24/01/1979 của Hội đồng Chính phủ về việc chuyển

Phân hiệu Đại học Y khoa Thái Bình thành Trường Đại học Y Thái Bình; Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng theo quy định của pháp luật, có trụ sở đóng tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Trường Đại học Y Dược Thái Bình được thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội theo quy định của pháp luật về học thuật và hoạt động chuyên môn, tổ chức bộ máy và nhân sự, tài chính và tài sản, quy hoạch, kế hoạch phát triển Trường.

2. Tên gọi

Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**

Viết tắt tiếng Việt: **YDTB**

Tên tiếng Anh: **THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY**

Viết tắt tiếng Anh: **TBUMP**

3. Trụ sở

Địa chỉ: Số 373, Lý Bôn, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 02273.830.545 Fax: 02273.847.509

Email: Dhydtb@tbump.edu.vn

Website: tbump.edu.vn

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;
2. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;
3. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;
4. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
5. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
6. Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
7. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
8. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
9. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;
10. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
11. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân;
12. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
13. Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

14. Kết luận số 91-KL/TU ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

15. Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

16. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

17. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

18. Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

19. Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

20. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

21. Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”;

22. Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

23. Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

24. Quyết định số 452/QĐ-TTg, ngày 27/02/2025 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

25. Quyết định số 5065/QĐ-BYT ngày 03/11/2021 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Y tế;

26. Quyết định 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học;

27. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

28. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

29. Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

30. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 03/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

31. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 31/7/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ UBND tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

32. Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2025;

33. Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 13/05/2025 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ nguồn vốn ngân sách trung ương để thực hiện Dự án xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình trở thành Bệnh viện thông minh và thực hiện Đề án di chuyển Đại học Y Thái Bình để xây dựng Trường đại học thông minh;

34. Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 19/5/2025 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thái Bình;

35. Công văn số 2877/UBND-VXNV ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh Thái Bình về việc triển khai một số nội dung liên quan đến Trường Đại Học Y Dược Thái Bình;

36. Thông báo số 1049/TB-BYT ngày 31/7/2025 của Bộ Y tế về việc Thông báo Kết luận của đồng chí Nguyễn Tri Thức - Thứ trưởng Bộ Y Tế tại cuộc họp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về nội dung kiến nghị, đề xuất của tỉnh Thái Bình (cũ) liên quan đến Trường Đại học Y Dược Thái Bình theo Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 19/5/2025 của Văn phòng Chính phủ;

37. Báo cáo số 1539/BC-BYT ngày 30/10/2025 của Bộ Y tế báo cáo kết quả triển khai Kết luận của Thủ tướng Chính Phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Lãnh đạo tỉnh Thái Bình theo thông báo số 243/TB-VPCP ngày 19/5/2025 của Văn phòng Chính phủ;

38. Nghị quyết số 18/NQ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

39. Nghị quyết số 86/NQ-HĐTYDTB ngày 22/6/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

40. Các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

2.1. Bối cảnh quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thế giới đang chứng kiến sự chuyển đổi sâu rộng trong quản lý, phát triển kinh tế và xã hội. Các xu hướng như kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh đang trở thành định hướng chiến lược của nhiều quốc gia. Song song đó, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang đến nhiều cơ hội, đồng thời đặt ra không ít thách thức trong quá trình thích ứng và phát triển.

Trước xu thế hội nhập quốc tế, giáo dục đại học toàn cầu đang có những thay đổi đáng kể, thể hiện qua sự gia tăng hợp tác đa phương, công nhận bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ giữa các hệ thống giáo dục. Các trường đại học ngày càng chú trọng liên kết trong đào tạo, nghiên cứu và công bố khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và mở rộng cơ hội phát triển.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa giáo dục đại học cũng đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải chủ động nắm bắt xu hướng, tận dụng lợi thế để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong môi trường quốc tế hóa và chuyển đổi số ngày càng sâu rộng.

2.2 Bối cảnh trong nước

* **Bối cảnh chung:** Trong nước đang chứng kiến những chuyển biến quan trọng về chính sách giáo dục đại học và phát triển nhân lực y tế. Hệ thống văn bản pháp luật và các nghị định, nghị quyết của Đảng, Nhà nước đã tạo nền tảng pháp lý vững chắc, thúc đẩy quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình và đổi mới quản trị trong các cơ sở giáo dục đại học.

Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định “phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò động lực then chốt để phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển, cần được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế xã hội”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030 xác định giáo dục đại học là một trong ba đột phá chiến lược, nhấn mạnh yêu cầu đổi mới toàn diện, hiện đại hóa phương thức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong lĩnh vực y tế, các nghị quyết trọng điểm như Nghị quyết số

20-NQ/TW đã đề ra mục tiêu phát triển hệ thống y tế công bằng, hiệu quả, hội nhập quốc tế, gắn với sắp xếp mạng lưới đào tạo nhân lực y tế có chất lượng chuyên môn và y đức.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

*** Thực hiện Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 19/5/2025 của Văn phòng Chính phủ** thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Lãnh đạo tỉnh Thái Bình về *“phương án đầu tư xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình tại cơ sở mới theo mô hình trường đại học thông minh và đạt chuẩn theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW”*;

Theo Báo cáo số 1539/BC-BYT ngày 30/10/2025 của Bộ Y tế về *“Kết quả triển khai kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Lãnh đạo tỉnh Thái Bình theo Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 19/5/2025 của Văn phòng Chính phủ”*:

- Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhất trí về hỗ trợ, tạo điều kiện để Trường Đại học Y Dược Thái Bình có thể thực hiện phương án đầu tư xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình tại cơ sở mới theo mô hình trường đại học thông minh và đột phá theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 19/5/2025 của Văn phòng Chính phủ. Đây cũng là yêu cầu cấp thiết để năm 2030 Trường phải đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo quy định pháp luật.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã thống nhất phương án tạo điều kiện cấp cho Trường Đại học Y Dược Thái Bình khoảng 50 hecta đất trong quy hoạch, đã được giải phóng mặt bằng, san lấp, để thực hiện dự án đầu tư mở rộng Trường trong thời gian sớm nhất theo đề xuất của Nhà trường phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể, đảm bảo sự phát triển của Trường Đại học Y Dược Thái Bình bền vững, lâu dài trong tương lai và chủ trương đột phá theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương, Kết luận của Thủ tướng

Chính phủ Phạm Minh Chính. Trường Đại học Y Dược Thái Bình xây dựng Đề án đầu tư mở rộng Trường, báo cáo Bộ Y tế.

- Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển hệ thống y tế, giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế chỉ đạo Trường Đại học Y Dược Thái Bình tiếp tục đầu tư, tập trung quy hoạch và phát triển toàn diện Nhà trường.

Cụ thể: Bộ Y tế tiếp tục chỉ đạo Trường Đại học Y Dược Thái Bình khẩn trương nghiên cứu tiêu chí, tiêu chuẩn để triển khai thực hiện mô hình trường đại học thông minh theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính; trên cơ sở đó, Bộ Y tế đề nghị Trường Đại học Y Dược Thái Bình khẩn trương xác định rõ định hướng phát triển tổng thể về cơ cấu tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, quy mô đào tạo,... đề xuất phương án vị trí và diện tích đất cụ thể để đầu tư xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình tại địa điểm mới với quy mô rộng, phát triển đồng bộ, đảm bảo đạt chuẩn trường đại học theo quy định pháp luật.”

III. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

3.1. Sự cần thiết

Trường Đại học Y Dược Thái Bình, dưới sự chỉ đạo của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng sự hỗ trợ của địa phương và đối tác quốc tế, đã đạt được nhiều thành tựu trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Quy mô đào tạo sau đại học tăng về số ngành và chỉ tiêu tuyển sinh. Chất lượng các chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu về chuẩn đầu ra và chuẩn năng lực. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành y khoa và ngành dược có việc làm đúng ngay sau khi tốt nghiệp cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ đời sống, trong đó, một số kết quả nghiên cứu ứng dụng trong thực tế đem lại giá trị về kinh tế. Cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu, quy mô đào tạo.

Thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó mục tiêu về giáo dục đại học đến năm 2030 “*mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn*”.

Nhà trường đã và đang tích cực triển khai các chủ trương lớn của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 68 -NQ/TW Nghị quyết số 71-NQ/TW và Nghị quyết số

72-NQ/TW làm cơ sở xây dựng Đề án Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình Trường Đại học thông minh.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, hệ thống giáo dục đại học, đặc biệt là trong lĩnh vực y dược, đang đối mặt với yêu cầu đổi mới toàn diện. Nhiều trường đại học thông minh trên thế giới được xây dựng không khác gì những thành phố thông minh thu nhỏ khi có đầy đủ đường xá, phương tiện đi lại, nhà ở, thư viện, phòng thí nghiệm,... được vận hành bằng công nghệ thông minh.

Tại Việt Nam, mô hình trường học thông minh vẫn còn khá mới mẻ và chưa có quy chuẩn để triển khai một cách đồng bộ, vì vậy việc xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình trường đại học thông minh không chỉ là một bước đi cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn là cách thức chuẩn hóa quy trình quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục.

Việc chuyển đổi sang mô hình đại học thông minh sẽ giúp Nhà trường tích hợp công nghệ vào mọi hoạt động, từ giảng dạy đến nghiên cứu và quản lý. Mô hình này sẽ tạo ra một môi trường học tập sáng tạo, hiệu quả và linh hoạt, đồng thời giúp Nhà trường phát huy được tiềm năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô hình đại học thông minh sẽ đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, gắn liền với thực hành và nghiên cứu khoa học. Việc áp dụng công nghệ như: dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống quản lý học tập sẽ cải thiện quy trình giảng dạy, quản lý sinh viên, và nghiên cứu khoa học, đồng thời giúp nâng cao tính linh hoạt và minh bạch trong quá trình học tập.

Ngoài ra, việc xây dựng mô hình trường đại học thông minh sẽ giúp Trường Đại học Y Dược Thái Bình hội nhập sâu rộng vào cộng đồng giáo dục quốc tế, tạo cơ hội hợp tác và phát triển nghiên cứu khoa học quốc tế. Mô hình này cũng sẽ phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và thúc đẩy hợp tác với các tổ chức y tế, tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu quốc tế.

Đề án là cơ sở quan trọng để Trường phát triển bền vững, hiện đại và tiệm cận các chuẩn mực quốc gia, quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXV và chiến lược phát triển của tỉnh Hưng Yên cũng như cả nước.

3.2. Mục tiêu

Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học; Phấn đấu xây dựng Trường theo mô hình trường đại học thông minh, đáp

ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về cơ sở vật chất, chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, cũng như công tác phục vụ cộng đồng.

Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu: Tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, đặc biệt là các ngành bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng và các ngành y tế công cộng. Đảm bảo 100% chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia, quốc tế, góp phần phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của cộng đồng.

Ứng dụng công nghệ vào giảng dạy và quản lý: Xây dựng và triển khai các hệ thống quản lý học tập số hóa, phần mềm giảng dạy trực tuyến, mô phỏng lâm sàng và các công cụ trí tuệ nhân tạo trong quá trình đào tạo, nghiên cứu và quản lý Nhà trường.

Phát triển nghiên cứu khoa học ứng dụng: Tạo điều kiện thuận lợi cho các nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực y tế, dược học và y học dự phòng, góp phần vào việc phát triển ngành y tế trong nước và quốc tế.

Tăng cường hợp tác quốc tế: Mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức y tế quốc tế, qua đó nâng cao vị thế của Trường Đại học Y Dược Thái Bình trong cộng đồng giáo dục và nghiên cứu toàn cầu.

IV. THỰC TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Với mục tiêu trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, đa cấp, đa ngành, đạt các tiêu chí cơ bản của đại học y dược Việt Nam, trong đó có một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và phục vụ cộng đồng. Thực hiện thành công tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình. Trong những năm qua Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp nhằm đổi mới mạnh mẽ về mô hình quản trị, cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ hiện đại để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên.

4.1. Công tác tổ chức và đội ngũ cán bộ

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay gồm: Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 11 phòng/ban chức năng, 06 trung tâm, 02 đơn vị, 06 khoa (31 bộ môn thuộc khoa), 18 bộ môn và 02 đơn vị trực thuộc. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức, Hội Thể thao.

Nhà trường có gần 700 cán bộ làm việc trong đó có 479 viên chức, 59 hợp đồng lao động và 149 hợp đồng bệnh viện Trường. Có 376 cán bộ giảng dạy trong đó có 01 Giáo sư, 17 Phó Giáo sư, 57 Tiến sĩ, 30 Bác sĩ chuyên khoa cấp II, 206 Thạc sĩ, 04 Bác sĩ chuyên khoa cấp I, 61 cán bộ Đại học. Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học chiếm 83,8%.

4.2. Công tác đào tạo

Trường Đại học Y Dược Thái Bình là cơ sở giáo dục đại học lĩnh vực sức khỏe, đào tạo chính quy và liên thông bậc đại học các ngành: Bác sỹ y khoa, Bác sỹ Y học cổ truyền, Bác sỹ Y học dự phòng, Dược sỹ đại học, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Y tế công cộng, Cử nhân xét nghiệm y học.

Bậc sau đại học, Trường hiện có 29 chương trình đào tạo (CTĐT), trong đó có 02 chương trình đào tạo tiến sỹ (Y tế công cộng, Y học dự phòng), 07 CTĐT Bác sỹ chuyên khoa cấp II (Quản lý Y tế, Chấn thương Chỉnh hình, Nội khoa, Sản phụ khoa, Ngoại tổng hợp, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt), 04 CTĐT thạc sỹ (Y tế công cộng, Y học dự phòng, Dinh dưỡng, Ngoại khoa), 04 CTĐT Bác sỹ nội trú (Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Y học cổ truyền), 12 CTĐT Bác sỹ chuyên khoa cấp I (Nội, Ngoại, Sản phụ khoa, Nhi, Tai Mũi Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền, Chẩn đoán hình ảnh, Y học dự phòng, Y tế công cộng, An toàn thực phẩm).

Ngoài ra, Trường còn đào tạo chuyên khoa cơ bản và kỹ thuật với hầu hết các chuyên ngành lâm sàng và cận lâm sàng; đào tạo liên tục cho các đối tượng theo nhu cầu xã hội; đào tạo phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp sư phạm Y học, phương pháp giảng dạy lâm sàng, cập nhật kiến thức chuyên ngành...

Quy mô đào tạo giữ ổn định về số lượng người học, hiện nay quy mô đạt 7732 người học bao gồm 6835 sinh viên và 897 học viên đang học ở các bậc đào tạo sau đại học. Trong đó có 614 lưu học sinh các nước CHDCND Lào, Vương quốc Campuchia, Hàn Quốc và Cộng hòa Mozambich.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp luôn đạt trên 90% thể hiện chất lượng, ngành nghề đào tạo của Trường luôn đảm bảo và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Học viên sau đại học tốt nghiệp từ Trường được các nhà tuyển dụng lao động đánh giá có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng.

4.3. Công tác nghiên cứu khoa học

Trong những năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Y Dược Thái Bình có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước khẳng định vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu ở các cấp ngày càng được nâng cao, nhiều công trình đã được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, góp phần giải quyết các vấn đề y tế cộng đồng.

Công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ được duy trì thường xuyên và có nhiều đổi mới, các hướng nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực thiết thực như y học lâm sàng, y học dự phòng, dược học, công nghệ sinh học và sản xuất trang thiết bị y tế.

Nhà trường chú trọng phát triển năng lực nghiên cứu cho cán bộ, giảng viên và người học, thúc đẩy công bố quốc tế, gắn kết nghiên cứu với đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường vẫn còn gặp một số khó khăn về nguồn lực, kinh phí và cơ chế chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, cần tiếp tục được quan tâm và đầu tư trong thời gian tới.

4.4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và khảo thí

Nhà trường đã đạt kiểm định Cơ sở giáo dục (lần 2- Chu kỳ 2023-2028), đạt kiểm định 05 Chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ngành Điều dưỡng và Y học cổ truyền trình độ đại học, ngành YTCC, YHDP và Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ). Hiện tại đang tự đánh giá 04 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ngành YHDP trình độ đại học, ngành Ngoại khoa trình độ thạc sĩ, ngành BSNT nội khoa và BSNT ngoại khoa), triển khai tự đánh giá 02 CTĐT theo tiêu chuẩn của Mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á (AUN-QA). Đồng thời Nhà trường tiếp tục cải tiến chất lượng các CTĐT sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng. Thực hiện số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm định (phần mềm EDUCARE-SAR).

Triển khai toàn diện công tác thi trắc nghiệm khách quan trên hệ thống máy tính (gồm 4 phòng thi hiện đại có hệ thống giám sát và 370 máy tính) đồng bộ với ngân hàng câu hỏi được xây dựng, rà soát và chỉnh sửa căn cứ vào kết quả phân tích đề thi đảm bảo kết quả học tập phản ánh đúng năng lực của người học.

4.5. Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

Trong những năm qua, Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã đẩy mạnh công tác đối ngoại theo nhiều phương thức, hình thức đa dạng, mở rộng hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ.

Trường duy trì quan hệ tốt với các tổ chức hữu nghị trong nước, đồng thời phát triển hợp tác quốc tế với nhiều trường đại học, tổ chức và doanh nghiệp nước ngoài như Harvard (Mỹ), Copenhagen, Nam Đan Mạch (Đan Mạch), Kanagawa (Nhật Bản), Chính phủ Đan Mạch (DANIDA) và các tổ chức quốc tế

như JICA, AGAPE, Mitsubishi Corporation... Nhiều dự án hợp tác đã được triển khai hiệu quả, mang lại cơ hội trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu sinh và hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao.

Hiện nay, Trường là cơ sở đào tạo bác sĩ lớn nhất cho lưu học sinh Lào và Campuchia tại Việt Nam, với hơn 600 lưu học sinh quốc tế đang theo học.

Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế đã góp phần quan trọng nâng cao uy tín, chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu, từng bước khẳng định vị thế của Nhà trường trong hội nhập giáo dục đại học khu vực và quốc tế.

4.6. Công tác tài chính và cơ sở vật chất

Trường Đại học Y Dược Thái Bình là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế. Nhà trường được giao tự chủ toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 2) theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP từ ngày 21/6/2021 của Thủ tướng chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Nhà trường đã được đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng cơ bản yêu cầu đào tạo của các ngành đang được triển khai. Nhiều máy móc, thiết bị được trang bị có công nghệ hiện đại, chất lượng tốt, phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy, học tập và gắn kết giữa lý thuyết với thực hành lâm sàng, đồng thời góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên. Việc đầu tư được thực hiện theo từng giai đoạn, đảm bảo phù hợp với lộ trình phát triển và nhu cầu sử dụng thực tế của các đơn vị. Tuy nhiên, đặc thù của lĩnh vực Y – Dược đòi hỏi trang thiết bị chuyên sâu, có giá trị cao và thường xuyên phải bổ sung, thay thế để theo kịp tiến bộ khoa học kỹ thuật, trong khi nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế. Do đó, việc huy động các nguồn lực và xây dựng kế hoạch đầu tư đồng bộ, lâu dài là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Nhà trường.

Trường Đại học Y Dược Thái Bình được giao quản lý, sử dụng 03 khu đất có tổng diện tích là 86.282,5 m². Trong đó khu A tại số 373, đường Lý Bôn, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên có diện tích đất là 38.443,2 m²; khu B gồm Ký túc xá sinh viên và Thể thao đa năng tại đường Ngô Quyền, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên có diện tích đất là 45.915,3 m²; khu C là nhà ở cho cán bộ của Trường tại tổ 1, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên có diện tích đất là 1.924 m². Diện tích đất Trường đang sử dụng chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn hiện hành so với quy mô đào tạo hiện tại và nhu cầu phát triển trong tương lai.

4.7. Công tác thư viện và công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Nhà trường hiện có 02 đường truyền Internet tốc độ cao, cùng với hệ thống mạng LAN nội bộ được kết nối bằng cáp quang liên thông giữa các khu vực, bảo đảm truy cập ổn định và an toàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên phục vụ nhu cầu quản trị, làm việc, giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Hiện nay, Nhà trường đang sử dụng nhiều phần mềm quản lý chuyên biệt phục vụ quản lý và đào tạo như: phần mềm kế toán, quản lý đào tạo, thư viện điện tử, học trực tuyến, khảo thí và thu học phí. Các phần mềm này đã đáp ứng được một phần yêu cầu nghiệp vụ của các đơn vị.

Thực hiện chủ trương chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, Nhà trường đang từng bước hiện đại hóa hoạt động thư viện và công nghệ thông tin thông qua việc đầu tư nâng cấp hệ thống máy chủ hiệu năng cao, triển khai thiết bị tường lửa hiện đại. Nhà trường đang triển khai hệ thống phần mềm Quản trị nhà trường nhằm tích hợp và đồng bộ hóa các hoạt động quản lý, góp phần hình thành hệ sinh thái quản trị số thống nhất. Phần mềm được thiết kế với cấu trúc mở, linh hoạt, tích hợp các phân hệ chức năng như quản lý đào tạo, nhân sự, tài chính – kế toán, cơ sở vật chất, thư viện, khảo thí, học tập trực tuyến và dịch vụ hành chính điện tử. Việc ứng dụng phần mềm này giúp chuẩn hóa quy trình làm việc, tăng cường tính minh bạch, chính xác trong quản lý dữ liệu, đồng thời giảm thiểu thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị. Cán bộ, giảng viên và sinh viên có thể truy cập thông tin, thực hiện nghiệp vụ và trao đổi dữ liệu trực tuyến trên cùng một nền tảng, tạo thuận lợi trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Phần mềm có khả năng liên thông dữ liệu với các hệ thống khác, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu, tạo tiền đề vững chắc cho việc phát triển trường học số, thư viện số và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong Nhà trường.

4.8. Công tác bệnh viện

Bệnh viện Đại học Y Thái Bình là bệnh viện công lập thuộc Trường Đại học Y Dược Thái Bình được thành lập ngày 12 tháng 3 năm 2003 theo Quyết định số 813/QĐ-BYT. Bệnh viện được Bộ Y tế phê duyệt quy mô 282 giường bệnh (Quyết định số 2244/QĐ-BYT ngày 04/4/2018), xây dựng Hồ sơ và được Bộ Y tế ban hành Quyết định xếp hạng II (Quyết định số 231/QĐ-BYT ngày 30/01/2024), cấp chuyên môn kỹ thuật Cơ bản (Quyết định số 4023/QĐ-BYT ngày 30/12/2024).

Bệnh viện đã được Bộ Y tế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2019 theo Quyết định số 854/QĐ-BYT ngày 07/3/2019 và Quyết

định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/5/2021 của Bộ Y tế về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2021. Bệnh viện đã được Nhà trường phê duyệt Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025: Đơn vị tự chủ toàn bộ chi thường xuyên theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP (nhóm 2).

Từ năm 2020 đến năm 2024 tổng số lượt khám chữa bệnh là 517.866 lượt, trung bình đạt 103.573 lượt/năm. Số điều trị nội trú 31.554 lượt, trung bình đạt 6310 lượt điều trị nội trú/năm, số điều trị ngoại trú 11.603 lượt, trung bình đạt 2.320 lượt/năm. Cơ cấu số lượt khám chữa bệnh như sau: BHYT đúng tuyến là 305.792 lượt chiếm 59,1%, BHYT trái tuyến là 11.237 lượt đạt 2,2%; tự nguyện là 200.837 lượt đạt 38,8% so với tổng số khám chữa bệnh.

Bệnh viện Trường đã xây dựng được 1.795 quy trình kỹ thuật, 394 phác đồ điều trị các bệnh liên quan thường gặp, 27 quy trình kỹ thuật điều dưỡng, 55 quy trình chăm sóc người bệnh; đồng thời bệnh viện đã triển khai nhiều kỹ thuật chuyên sâu, máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị người bệnh.

Bệnh viện đã và đang thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình tiếp nhận, khám và điều trị để giảm thời gian chờ đợi của người bệnh. Đồng thời tích cực triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và áp dụng bệnh án điện tử theo quy định của Bộ Y tế và của Chính phủ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Nhà trường đã xác định những vấn đề cần được khắc phục như: Nhân lực có trình độ cao chưa đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực; Quy mô các ngành đào tạo sau đại học chưa tương xứng với tiềm năng và thể mạnh của Trường. Các nghiên cứu phát triển y sinh học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ còn ít về số lượng và chưa đồng đều về chất lượng. Cơ sở thực hành lâm sàng còn chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo. Mức độ hội nhập quốc tế chưa sâu, rộng. Diện tích đất để xây dựng phát triển Nhà trường chưa đảm bảo. Trang thiết bị hiện đại, tích hợp thông minh chưa đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và chính sách lớn của Đảng và nhà nước về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4.9. Nhu cầu cấp đất để xây dựng và phát triển

Căn cứ vào chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Bình đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035; với quy mô đào tạo đến năm 2030 dự kiến là 12.000 người học (bao gồm sinh viên Đại học, học viên Sau đại học, Lưu học sinh Quốc tế). Theo điểm a, khoản 4, mục III, Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 về Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ

2021-2030, tầm nhìn đến 2050.¹ Thực hiện Luật giáo dục; Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT tại Mục II về chuẩn cơ sở GDĐH quy định Từ năm 2030, diện tích đất (có hệ số theo vị trí khuôn viên) tính bình quân trên một người học chính quy quy đổi theo trình độ và lĩnh vực đào tạo không nhỏ hơn 25 m².

Nhu cầu về quỹ đất để đảm bảo chuẩn cơ sở giáo dục đại học của Trường Đại học Y Dược Thái Bình là $12.000 \times 25\text{m}^2/\text{người học} = 300.000 \text{ m}^2$.

Theo điểm b, khoản 4, mục III, Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 về Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050². Nhu cầu về quỹ đất để đảm bảo chuẩn cơ sở giáo dục đại học của Trường Đại học Y Dược Thái Bình có tính hệ số dự trữ (1,5 đến 2 lần) là $450.000 \text{ m}^2 - 600.000 \text{ m}^2$.

Như vậy, để đảm bảo chuẩn cơ sở giáo dục đại học; Nhà trường cần quỹ đất đảm bảo chuẩn cơ sở giáo dục đại học là 600.000 m^2 (đã tính hệ số dự trữ).

¹ Điểm a, khoản 4, mục III, Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 về Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: Bố trí bổ sung quỹ đất để đến năm 2030 tất cả cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn đáp ứng tiêu chí về diện tích đất theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học và quy định về điều kiện thành lập trường đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy định pháp luật liên quan.

² Điểm b, khoản 4, mục III, Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 về Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai, quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương đáp ứng yêu cầu di dời, mở rộng không gian phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học căn cứ phân bổ quy mô đào tạo đến năm 2030 được nêu tại Bảng 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này, có tính hệ số dự trữ từ 1,5 đến 2 lần cho phát triển trong tầm nhìn đến năm 2050. Nhu cầu bổ sung quỹ đất đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại các vùng và một số địa phương được nêu tại Bảng 7 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này. Căn cứ Quy hoạch này các địa phương và các bên liên quan thực hiện bố trí quỹ đất theo quy định của Luật đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

PHẦN THỨ HAI

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH ĐẠT CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÔNG MINH

Trường Đại học Y Dược Thái Bình xây dựng “*Đề án xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình trường Đại học thông minh*” cụ thể như sau:

- Chuẩn cơ sở Giáo dục đại học:

Theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT mục đích sử dụng chuẩn cơ sở giáo dục đại học là cơ sở để thực hiện quy hoạch, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đại học; đánh giá và giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng, việc thực hiện trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật. Trong thông tư nêu rõ nội dung Chuẩn cơ sở giáo dục Đại học gồm có 06 tiêu chuẩn và 20 tiêu chí, bao gồm: tổ chức và quản trị, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên và cán bộ, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nghiên cứu khoa học và công nghệ, quốc tế hóa, công tác sinh viên, hiệu quả hoạt động dịch vụ và triết lý giáo dục theo các tiêu chí đánh giá chi tiết.

Thực hiện theo thông tư 01/2024/TT-BGDĐT Nhà trường đã thực hiện cung cấp, cập nhật đầy đủ, chính xác các số liệu phục vụ tính toán các chỉ số và đánh mức độ đáp ứng các tiêu chí của tiêu chuẩn cơ sở giáo dục đại học vào hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học và được công khai trên cổng thông tin điện tử của trường; thực hiện các biện pháp để thường xuyên giám sát, cải tiến chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục đại học, bảo đảm được tất cả các tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học thuộc phạm vi áp dụng cho cơ sở giáo dục đại học từ năm 2025. Hiện nay Nhà trường đã cơ bản đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định đến năm 2025, tuy nhiên còn một số tiêu chí yêu cầu đến năm 2030 Nhà trường chưa đảm bảo như: Tỷ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 40% và từ năm 2030 không thấp hơn 50% (tiêu chí 2.3); Tỷ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ trên tổng thu của cơ sở giáo dục đại học có đào tạo tiến sĩ (có tính trọng số theo lĩnh vực) tính trung bình trong 3 năm gần nhất không thấp hơn 5% (tiêu chí 6.1). Số lượng công bố khoa học và công nghệ tính bình quân trên một giảng viên toàn thời gian không thấp hơn 0,6 bài/năm trong đó số bài có trong danh mục Web of Science hoặc Scopus (có tính trọng số theo lĩnh vực) không thấp hơn 0,3 bài/năm (tiêu chí 6.2). Với các tiêu chí này Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

Với tiêu chí về cơ sở vật chất tại mục 3.1 tiêu chuẩn 3 quy định: “Từ năm 2030, diện tích đất (có hệ số theo vị trí khuôn viên) tính bình quân trên một người học chính quy quy đổi theo trình độ và lĩnh vực đào tạo không nhỏ hơn 25 m²” (tiêu chí 3.1). Hiện nay, Nhà trường mới có tổng diện tích 8,1 ha. Như vậy, để đảm bảo chuẩn cơ sở giáo dục đại học đến năm 2030, Nhà trường cần quỹ đất đảm bảo chuẩn cơ sở giáo dục đại học là $12.000 \text{ SV, HV} \times 25 \text{ m}^2 = 300.000 \text{ m}^2$. Tính hệ số dự trữ (1,5 đến 2 lần) là 450.000 m² đến 600.000 m².

- Trường Đại học thông minh (Smart University):

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, giáo dục đại học (GDĐH) cần đổi mới toàn diện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả quản trị, năng lực đổi mới sáng tạo và khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ giáo dục quốc tế (Linh An, 2025)³. Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) và các nền tảng học trực tuyến đang thúc đẩy quá trình xây dựng mô hình đại học thông minh, một mô hình tích hợp sâu công nghệ vào các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản trị, hướng tới một hệ sinh thái giáo dục linh hoạt, cá nhân hóa và hiệu quả.

Đại học thông minh là một trường đại học sử dụng đổi mới công nghệ trong tổ chức để hoàn thành sứ mệnh của mình. Nhìn chung, Đại học thông minh cung cấp các cách làm việc, học tập và giảng dạy sáng tạo trong không gian bằng cách tích hợp các nền tảng phần cứng và phần mềm tiên tiến sử dụng dữ liệu lớn (big data), cảm biến, mạng truyền thông xã hội và máy học (machine learning). Ở Việt Nam, phát triển đại học thông minh là xu thế tất yếu và yêu cầu cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao (Bộ GD&ĐT, 2024).⁴

Dựa vào kết quả tham khảo các nghiên cứu trong nước và nước ngoài, đồng thời tham khảo một số mô hình Trường Đại học thông minh như: *Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc)*, *Đại học Quốc gia Singapore*, *Đại học Arizona State (ASU, Hoa Kỳ)*, *Đại học KU Leuven (Bỉ)*, *Đại học Tampere (Phần Lan)*, *Đại học Quốc gia Hà Nội*, *Đại học Quốc gia TP.HCM*, *Trường Đại học FPT*. Đề xuất các tiêu chí đánh giá đại học thông minh gồm:

Smart learning: Phát triển môi trường học tập linh hoạt, cá nhân hóa trên nền tảng số, ứng dụng AI và phân tích hành vi học tập để điều chỉnh nội dung,

³ Linh An (2025, April 4). Những con số biết nói về giáo dục đại học Việt Nam. *Giáo dục Việt Nam*. <https://giaoduc.net.vn/nhung-con-so-biet-noi-ve-giao-duc-dai-hoc-viet-nam-post250367.gd>, truy cập ngày 04/04/2025.

⁴ Bộ GD&ĐT (2024), *Báo cáo sơ kết công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính năm 2024*.

phương pháp và tiến độ phù hợp từng người học; hỗ trợ học tập mọi lúc, mọi nơi, trên đa thiết bị.

Smart Governance: Triển khai hệ thống quản trị đại học số ứng dụng Big Data, hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực, bảo đảm minh bạch, hiệu quả và linh hoạt, số hóa toàn diện các quy trình hành chính, tài chính, tuyển sinh, nhân sự và kiểm định chất lượng.

Smart Campus: Phát triển hạ tầng số tích hợp IoT, cảm biến và hệ thống giám sát thông minh, tạo không gian học tập xanh, bền vững và an toàn, kết nối liền mạch không gian vật lý và số phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt người học.

Smart Research: Ứng dụng công nghệ số và nền tảng mở trong nghiên cứu, AI hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn, xử lý thông tin, tra cứu và hỗ trợ viết bài, quản lý và số hóa toàn diện dữ liệu nghiên cứu, công bố khoa học và kết nối nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

Smart Community: Tăng cường kết nối số giữa đại học với cộng đồng, doanh nghiệp, chính quyền và tổ chức xã hội; đẩy mạnh chia sẻ tri thức, chuyển giao công nghệ và hoạt động phục vụ cộng đồng; phát huy vai trò thành viên số trong hệ sinh thái địa phương và quốc gia của cơ sở GDĐH.

Thực hiện theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính **“Đề án xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình trường Đại học thông minh”** cần đáp ứng cả hai yêu cầu về tiêu chuẩn, tiêu chí Trường đại học đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học (đặc biệt là diện tích đất) và tiêu chuẩn, tiêu chí của trường Đại học thông minh.

1. Mục tiêu đầu tư

Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo mô hình Trường Đại học Thông minh.

2. Quy mô và phạm vi đầu tư

Tổng diện tích khu đất: 50 ha (500.000 m²); tổng diện tích xây dựng khoảng 300.000 m²; gồm các phân khu chức năng:

2.1. Nhà điều hành (khoa và các khoa)

Nhà điều hành trung tâm là “bộ não” của Trường, đảm nhiệm chức năng quản lý – điều hành – kết nối thông minh toàn hệ thống. Là nơi làm việc của Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường, các phòng ban chức năng, trung tâm điều phối học thuật và chuyển đổi số, đồng thời là trung tâm kết nối dữ liệu thời gian thực giữa các đơn vị trong Trường và hệ thống Bộ Y tế – Bộ GD&ĐT.

Các nhà khoa/bộ môn bố trí liên kết theo cụm khối chức năng học thuật, kết nối bằng hệ thống hành lang xanh – giao thông nội bộ thông minh – campus Wi-Fi mesh toàn diện.

Mỗi khoa/bộ môn có nhà riêng hoặc cụm nhà trong khu học thuật thông minh, liên kết bằng mạng số hóa và không gian chung. Thiết kế theo mô hình mở, đa chức năng: phòng thí nghiệm mô phỏng, không gian thực hành tích hợp AR/VR, studio dạy học số, phòng họp hybrid, khu thảo luận nhóm.

Yếu tố công nghệ và thông minh trong khu nhà điều hành tập trung vào Hệ thống điều hành số, trong đó quản lý sinh viên, giảng viên, học phần, thiết bị, tài chính, hành chính trên nền tảng phần mềm internet. Đồng thời kết nối vạn vật ToT kiểm soát năng lượng, an ninh, chiếu sáng, điều hòa, ra vào bằng thẻ gắn chip hoặc thẻ từ. Các quy trình hành chính được tự động hóa như xử lý văn bản, ký số, quản lý công văn điện tử, hệ thống phòng họp, lịch họp thông minh. Hướng tới đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học quốc gia và quốc tế; đồng thời cho phép mở rộng linh hoạt, hướng đến mô hình Trường Đại học – Bệnh viện thông minh tích hợp trong giai đoạn 2030-2035.

2.2. Khối nhà giảng đường, phòng thực hành, trung tâm mô phỏng (có kết nối các tòa)

Là trung tâm học tập – giao lưu học thuật của toàn Trường trong mô hình Đại học thông minh, vì vậy cần thiết kế theo hướng đa tầng – đa chức năng – liên thông – số hóa toàn diện. Đây là nơi diễn ra hầu hết các hoạt động giảng dạy, hội thảo, hội nghị, trình diễn mô phỏng và nghiên cứu liên ngành.

Khối nhà giảng đường kết nối trực tiếp với Nhà điều hành trung tâm (qua hành lang hoặc cầu kính thông minh), khu thư viện và trung tâm học liệu số, phòng thực hành, khu thực hành mô phỏng và bệnh viện Trường. Các cụm của khối nhà giảng đường liên kết bằng cầu nối trên cao hoặc hành lang thông minh, tạo thành một “Campus học tập liên thông”.

Với kiến trúc hiện đại, thân thiện, đậm bản sắc Y Dược, khối nhà sử dụng vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, chống rung cho giảng đường lớn; không gian mở và nhiều cây xanh đảm bảo chuẩn cơ sở vật chất, hướng tới chuẩn AUN-QA và QS Stars “Smart Campus”.

Hệ thống phần mềm quản lý lịch học tự động phân bổ phòng học theo quy mô lớp, thiết bị, thời gian và mức sử dụng năng lượng. Mỗi phòng học gắn mã QR, hệ thống nhận diện giảng viên, người học, tự động ghi bài và truyền dữ liệu lên LMS. Để ra vào các giảng đường cần sử dụng thẻ chip hoặc thẻ từ, camera AI và cảm biến nhiệt, ánh sáng tiết kiệm năng lượng.

Khu giảng đường thiết kế mở có thể mở rộng và nâng cấp để tích hợp hoàn toàn hệ thống học tập số, mô phỏng lâm sàng và giảng đường ảo.

2.3. Trung tâm khảo thí và thi cấp phép hành nghề y quốc gia

Một trong các giải pháp đột phá cho đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo được nêu rõ trong nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI là: *“Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá chất lượng giáo dục đảm bảo trung thực, khách quan, chính xác, theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học”*. Theo đó việc thi kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo cần theo các chuẩn chương trình đào tạo và ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Việt Nam chưa có một kỳ thi quốc gia để cấp chứng chỉ hành nghề y như nhiều nước tiên tiến. Tuy nhiên, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc chuẩn hóa năng lực bác sĩ và các chức danh y tế là yêu cầu cấp thiết để: công nhận bằng cấp và chứng chỉ lẫn nhau giữa các quốc gia; tạo điều kiện cho bác sĩ và nhân lực y tế Việt Nam hành nghề ở nước ngoài và ngược lại. Theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh, từ năm 2027, ngoài các điều kiện trên, họ phải vượt qua kỳ thi đánh giá năng lực do Hội đồng Y khoa Quốc gia tổ chức, đây là một bước tiến để nâng cao chất lượng đào tạo, khám chữa bệnh và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người dân.

Vì vậy việc xây dựng trung tâm khảo thí (khoảng 600 -800 máy tính) và thi cấp phép hành nghề y quốc gia trong đó ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong công tác đánh giá và quản lý đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh là hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nhân lực y tế, góp phần quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2.4. Bệnh viện đa khoa quy mô 800 giường

Bệnh viện thông minh không còn là khái niệm tương lai. Bệnh viện thông minh (Smart Hospital) là các bệnh viện sử dụng công nghệ tiên tiến để suy nghĩ lại và thiết kế lại cách thức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong hệ thống y tế. Việc ứng dụng công nghệ số không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình khám, chữa bệnh, nâng cao hiệu quả quản lý, giảm tải công việc cho nhân viên y tế còn mang lại trải nghiệm tốt hơn, an toàn hơn cho người bệnh, hướng tới xây dựng mô hình bệnh viện thông minh, hiện đại. Trong bối cảnh người bệnh ngày càng kỳ vọng nhiều hơn vào dịch vụ nhanh, minh bạch, cá nhân hóa, thì chuyển đổi số và quản trị tinh gọn là hướng đi tất yếu...chuyển đổi số mang lại 4 lợi ích lớn: (1) Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh nhờ bệnh án điện tử; (2) Tối ưu

hóa quy trình; (3) Cải thiện trải nghiệm người bệnh qua các dịch vụ trực tuyến; (4) Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Việc ứng dụng chuyển đổi số trong công tác khám, chữa bệnh đang là xu thế tất yếu đối với các cơ sở y tế. Lộ trình phát triển bệnh viện thông minh cần dựa trên các nền tảng cốt lõi như bệnh án điện tử (EMR), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y khoa (PACS), hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS), hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện (HIS)... Việc chuẩn bị kỹ về hạ tầng công nghệ thông tin và đào tạo nhân lực là những bước đi tiên quyết. Theo xu thế phát triển của khoa học, công nghệ, AI sẽ được ứng dụng mạnh mẽ trong lĩnh vực y tế trong thời gian tới.

Là bệnh viện đa khoa vừa điều trị – đào tạo – nghiên cứu – chuyển giao công nghệ, đáp ứng tiêu chí bệnh viện thông minh – bệnh viện đại học kiểu mẫu theo Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 của Bộ Y tế.

Bệnh viện được quy hoạch liền kề khu giảng đường, nhà khoa lâm sàng và trung tâm mô phỏng y khoa, kết nối trực tiếp bằng hành lang và hệ thống dữ liệu số (EHR, PACS, HIS, LIS, Hồ sơ bệnh án điện tử). Là bệnh viện đại học kiểu mẫu, có đủ điều kiện để đào tạo bác sĩ, điều dưỡng, dược sĩ, kỹ thuật viên y học, học viên sau đại học và NCS. Thiết kế mỗi khoa lâm sàng có phòng học 30–50 chỗ, hệ thống camera – màn hình nối với giảng đường, cho phép sinh viên theo dõi ca lâm sàng trực tiếp mà không ảnh hưởng công tác điều trị. Bệnh viện có trung tâm nghiên cứu lâm sàng (Clinical Research Unit – CRU): hỗ trợ thử nghiệm thuốc, thiết bị y tế, dự án hợp tác quốc tế vừa là nơi chuyển giao kỹ thuật mới, thực hành y học chính xác, y học cá thể hóa, telemedicine và robot hỗ trợ phẫu thuật.

Với thiết kế tổng thể gồm khối khám bệnh và cận lâm sàng, khu điều trị nội trú, khu kỹ thuật nghiệp vụ trung tâm và khối hành chính, nghiên cứu, giảng dạy đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn công nghệ và hệ thống thông minh kết nối với khối giảng đường (qua cầu kính hoặc hành lang liên hoàn), trung tâm mô phỏng và ký túc xá. Đáp ứng tiêu chí bệnh viện thông minh hướng tới chứng nhận JCI (Joint Commission International) cho bệnh viện đại học.

2.5. Bệnh viện lão khoa 300 giường kết hợp Viện dưỡng lão

Bao gồm Bệnh viện Lão khoa 300 giường bệnh kết hợp viện dưỡng lão công viên giải trí, sân vườn người cao tuổi nằm liền kề khu bệnh viện đa khoa 800 giường và trung tâm phục hồi chức năng, đồng thời kết nối trực tuyến với hệ thống quản lý sức khỏe cộng đồng (e-Health) của Trường.

Là một điểm nhấn nhân văn và học thuật đặc thù của Trường Đại học Y Dược Thái Bình khi xây dựng theo mô hình Trường Đại học thông minh, đạt

chuẩn cơ sở giáo dục đại học. Công trình này vừa mang ý nghĩa xã hội, vừa có giá trị đào tạo – nghiên cứu – thực hành lâm sàng chuyên sâu về lão khoa, phục hồi chức năng, chăm sóc dài hạn và y học dự phòng.

Với hệ thống quản lý sức khỏe cá nhân hóa, mỗi người cao tuổi có hồ sơ điện tử liên thông, theo dõi sức khỏe từ xa qua cảm biến IoT phát hiện và cảnh báo khẩn cấp qua smartwatch. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nhận diện, phát hiện bất thường về hành vi, ăn uống và di chuyển.

Đây cũng là nơi đào tạo, nghiên cứu, thực hành cho sinh viên các khoa và triển khai mô hình chăm sóc tại nhà và đào tạo điều dưỡng cộng đồng quốc tế.

2.6. Thư viện và học liệu thông minh

Thư viện là trái tim tri thức của Trường Đại học Y Dược Thái Bình trong mô hình “Trường Đại học thông minh, đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học”, đóng vai trò trung tâm lưu trữ – chia sẻ – sáng tạo tri thức số. Được thiết kế theo mô hình “Smart Learning & Digital Knowledge Hub”, tích hợp: Không gian học liệu truyền thống và học liệu số (Hybrid Library); Trung tâm học tập cá nhân – nhóm – trực tuyến; Trung tâm tri thức mở (Open Science & Research Data Center). Là nơi phục vụ học tập, nghiên cứu, đào tạo, đổi mới sáng tạo và hợp tác quốc tế, đồng thời là “Trục dữ liệu số” kết nối với các khoa, nhà giảng đường, bệnh viện Trường, và các thư viện đại học trong nước – quốc tế.

Đặt vị trí trung tâm campus, liền kề khối nhà giảng đường và nhà điều hành, kết nối bằng cầu bộ hành hoặc đường nội bộ xanh. Đáp ứng tiêu chí Thư viện đại học thông minh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Hướng tới đạt chuẩn AUN-QA về học liệu và cơ sở vật chất học tập.

2.7. Khu vui chơi thể thao

Khu vui chơi thể thao là một cấu phần không thể thiếu trong mô hình Trường Đại học Y Dược Thái Bình thông minh, đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học, thể hiện triết lý “Giáo dục toàn diện – sức khỏe toàn thân – trí tuệ bền vững”. Công trình này không chỉ phục vụ rèn luyện thể chất cho sinh viên, giảng viên mà còn là không gian văn hóa – giao lưu – trải nghiệm cộng đồng, góp phần hình thành môi trường đại học xanh, hiện đại và nhân văn.

Được quy hoạch liền kề khu ký túc xá sinh viên và viện dưỡng lão, tạo thành “vành đai sức khỏe – sinh hoạt – thể chất” của toàn Trường. Là trung tâm hoạt động thể chất, thể thao, giải trí và gắn kết cộng đồng, được quản lý bằng nền tảng số Smart Fitness & Campus Life Platform, kết nối thể sinh viên – sức khỏe – lịch rèn luyện. Phục vụ giảng viên, sinh viên, học viên sau đại học, lưu học sinh quốc tế và có khả năng tổ chức giải thể thao vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Hệ thống quản lý và công nghệ thông minh ra vào bằng thẻ sinh viên, nhận diện khuôn mặt hoặc mã QR, đồng bộ dữ liệu sức khỏe và điểm rèn luyện. Ứng dụng “Smart Fitness App”: đặt lịch sân, đăng ký lớp, theo dõi chỉ số tập luyện, tích hợp smartwatch và hệ thống chăm sóc sức khỏe. Cảm biến IoT giám sát mật độ người, ánh sáng, chất lượng không khí, tiêu thụ năng lượng. Sử dụng hệ thống camera AI hỗ trợ huấn luyện tư thế vận động, đánh giá hiệu suất và ngăn ngừa chấn thương. Năng lượng tái tạo: chiếu sáng, bơm nước, sưởi hồ bơi bằng năng lượng mặt trời.

Là nơi thực hành môn học Giáo dục thể chất, Thể dục y học, Phục hồi chức năng vận động. Tích hợp Trung tâm Nghiên cứu Y học thể thao và Dinh dưỡng vận động, hợp tác với Bệnh viện Trường để theo dõi sức khỏe sinh viên, vận động viên; nghiên cứu hồi phục cơ xương khớp, tim phổi, stress thể lực. Hỗ trợ tổ chức hội thao, giải bóng đá sinh viên, Olympic Y Dược toàn quốc. Gắn kết với Ngày hội sinh viên, Lễ hội thể thao – văn hóa Y Dược, góp phần quảng bá hình ảnh “Trường Đại học Y Dược Thái Bình năng động – hiện đại – thân thiện.”

Quy hoạch và thiết kế đáp ứng tiêu chuẩn về công trình thể thao – nhà thi đấu, an toàn cháy nổ, và tiêu chí công trình xanh – tiết kiệm năng lượng. Có kiến trúc mở, thoáng, nhiều cây xanh, kết hợp vật liệu nhẹ, mái năng lượng, lam chắn nắng tự động. Với hình thức kiến trúc hiện đại, hài hòa với tổng thể khu giảng đường – ký túc xá – viện dưỡng lão, tạo “trục sinh viên khỏe mạnh – học tập – sáng tạo”.

2.8. Ký túc xá

Ký túc xá sinh viên là một hạng mục trọng tâm trong mô hình Trường Đại học Y Dược Thái Bình thông minh, đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học, thể hiện triết lý “lấy người học làm trung tâm – phát triển toàn diện – sống học tập trong môi trường số, xanh và nhân văn”.

Ký túc xá không chỉ là nơi ở, mà còn là không gian học tập, rèn luyện, kết nối văn hóa và giao lưu quốc tế, đặc biệt quan trọng với sinh viên Việt Nam, Lào, Campuchia và các nước bạn đang học tại Trường. Được bố trí tại khu vực yên tĩnh, có cảnh quan xanh, liền kề khu thể thao, thư viện, và khu dịch vụ sinh viên, cách khối giảng đường và bệnh viện trường trong bán kính đi bộ 3–5 phút.

Là trung tâm đời sống sinh viên, được quy hoạch theo mô hình “Ký túc xá thông minh – đa văn hóa – an toàn – xanh – kết nối số”, có khả năng đáp ứng 40–50% tổng số sinh viên, học viên và lưu học sinh. Vận hành theo mô hình ký túc xá đại học tự chủ, kết hợp dịch vụ công – tư (PPP), quản lý số hóa toàn bộ.

Hệ thống quản lý và công nghệ thông minh quản lý ra/vào bằng thẻ sinh viên, QR hoặc nhận diện khuôn mặt. Hệ thống điện, nước, điều hòa, Wi-Fi điều

khuyến tự động theo thời gian sử dụng và chỉ số người ở. Sử dụng phần mềm giúp sinh viên đăng ký – gia hạn chỗ ở, báo hỏng, phản ánh, nộp phí điện tử, tra cứu thông báo, sự kiện, thời khóa biểu liên kết.

Có hệ thống camera AI giám sát 24/7, cảm biến khói – nhiệt, báo cháy – báo động thông minh. Phòng trực bảo vệ kết nối trung tâm an ninh Trường.

Sử dụng pin mặt trời trên mái, bình nước nóng năng lượng mặt trời, chiếu sáng LED tiết kiệm. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tái sử dụng tưới cây.

Với kiến trúc hiện đại, thân thiện, đồng bộ với cảnh quan giảng đường, thư viện, bệnh viện Trường và tuân thủ tiêu chuẩn về nhà ở sinh viên.

2.9. Hội trường trung tâm

Hội trường trung tâm với quy mô khoảng 1000 chỗ ngồi là không gian biểu tượng của Trường, phục vụ các sự kiện chính trị – học thuật – văn hóa quy mô lớn (Đại hội Đảng bộ, Lễ khai giảng, Lễ tốt nghiệp, hội nghị khoa học quốc tế...). Các hoạt động giảng dạy mở rộng, hội thảo chuyên đề, triển lãm khoa học, trình diễn công nghệ y học.

Được quy hoạch tại vị trí trung tâm campus, liên kết trực tiếp với khối nhà điều hành, thư viện và khu giảng đường, có quảng trường trung tâm phía trước tạo không gian trang trọng và biểu tượng cho toàn Trường.

Hệ thống điều khiển trung tâm quản lý âm thanh, ánh sáng, điều hòa, màn chiếu, ghi hình, truyền trực tiếp, vận hành bằng bảng điều khiển số, giọng nói hoặc qua ứng dụng. Hệ thống âm thanh – ánh sáng chuyên nghiệp, màn hình LED chính kích thước lớn ($\geq 60 \text{ m}^2$), cùng các màn hình phụ bố trí theo tầng. Hệ thống camera AI ghi hình – truyền hình trực tiếp – hợp hybrid (Zoom, MS Teams, Google Meet). Hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, cảm biến nhiệt độ – độ ẩm – CO₂ tự động điều chỉnh. Phòng phiên dịch cabin – phòng họp song song (interpretation rooms) cho hội nghị quốc tế.

Hội trường có hệ thống phòng cháy chữa cháy thông minh: cảm biến khói, nhiệt, camera nhiệt, hệ thống phun sương tự động. Đáp ứng tiêu chuẩn về công trình công cộng và yêu cầu thiết kế hội trường. (Công trình công cộng – yêu cầu thiết kế hội trường) và QCVN 06:2021/BXD về an toàn cháy nổ.

2.10. Xưởng sản xuất được (thực hành, thương mại sản phẩm, doanh nghiệp)

Xưởng sản xuất Được – Thực hành, Nghiên cứu và Thương mại sản phẩm”, đóng vai trò kết nối giữa đào tạo, nghiên cứu, sản xuất và doanh nghiệp – một mô hình “Doanh nghiệp đại học” (University Enterprise) theo chuẩn đại học thông minh – định hướng ứng dụng.

Là công trình đặc thù của khối Khoa Dược, nằm trong khu hợp phần Khoa học – Công nghệ – Khởi nghiệp, liền kề Trung tâm nghiên cứu dược liệu, Viện dưỡng lão và Bệnh viện Trường, thuận tiện cho việc nghiên cứu – bào chế – thử nghiệm – ứng dụng – sản xuất. Với mục tiêu đào tạo thực hành nghề Dược theo chuẩn GMP – GSP – GLP; Chuyển giao kết quả nghiên cứu thành sản phẩm ứng dụng; Tạo nguồn thu bền vững thông qua sản xuất, gia công và thương mại sản phẩm dược, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, tinh dầu, dung dịch sát khuẩn, sản phẩm y học cổ truyền...

Xưởng thực hành đạt chuẩn kiểm định đào tạo Dược học; phòng thí nghiệm thực hành mở (Open Lab) cho sinh viên nghiên cứu – khởi nghiệp; Cho phép liên kết đào tạo quốc tế trong lĩnh vực công nghệ dược và quản lý sản xuất và triển khai thử nghiệm lâm sàng pha I–II cho các sản phẩm nghiên cứu tại Bệnh viện Trường. Phát triển nhãn hiệu “YDTB Pharma” – thương hiệu Dược phẩm trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Khu xưởng áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế GMP-WHO, ISO 9001, ISO 13485, GLP, GSP, GDP, tích hợp hệ thống điều hành thông minh, ứng dụng AI và dữ liệu lớn (Big Data) trong hoạt động.

2.11. Phòng thí nghiệm trọng điểm

Đây là trung tâm hội tụ của nghiên cứu liên ngành, đổi mới sáng tạo, kiểm định, chuyển giao công nghệ, đào tạo nâng cao năng lực nghiên cứu sinh và giảng viên.

Phòng thí nghiệm trọng điểm (Key Laboratory Complex) được quy hoạch trong khu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường, liền kề Khoa Dược, Bệnh viện Trường và Trung tâm mô phỏng y khoa. Mục tiêu: xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia cấp ngành y – dược – sinh học – y học lâm sàng, hướng tới chuẩn quốc tế về an toàn, tự động hóa và dữ liệu số.

Phòng thí nghiệm được thiết kế và trang bị hệ thống máy hiện đại, số hóa và tích hợp AI và dữ liệu lớn, có hệ thống an toàn sinh học, môi trường, năng lượng đạt chuẩn, thiết bị an toàn, phòng hấp vô trùng, xử lý nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn.

Hình thành “Trung tâm Phòng thí nghiệm trọng điểm Y Dược – Sinh học – AI” đạt chuẩn khu vực ASEAN. Là nơi ươm mầm nghiên cứu – sáng chế – startup y dược, liên thông với Xưởng Dược, Bệnh viện và Thư viện số học liệu. Góp phần khẳng định vị thế Trường Đại học Y Dược Thái Bình là trung tâm nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ y dược hàng đầu miền Bắc kết nối với Khu công nghiệp Dược – Sinh học tại Quỳnh Phụ.

2.12. Hồ điều hòa và vườn cây xanh sinh thái, bãi đỗ xe

Công trình này không chỉ phục vụ điều tiết môi trường, giao thông và nghỉ ngơi mà còn là không gian sinh thái – cảnh quan – điều tiết vi khí hậu của toàn bộ khu trường Đại học; kết nối hài hòa các khối công trình Nhà điều hành – Giảng đường – Thư viện – Bệnh viện – Ký túc xá – Khu thể thao hình thành “Trục xanh – mặt nước – sinh hoạt cộng đồng”, góp phần tạo môi trường học tập, làm việc, nghỉ ngơi xanh – sạch – an toàn – thông minh.

Hồ điều hòa đồng thời là công trình thoát nước mưa, chống ngập cục bộ, tạo cảnh quan và không gian nghỉ ngơi.

Vườn cây sinh thái được thiết kế giảm bụi, cách âm đồng thời những thảm cỏ, đường dạo bộ, ghế nghỉ, khu vận động thể dục, khu đọc sách ngoài trời.

Bãi đỗ xe thông minh quản lý bằng ứng dụng di động, hiển thị vị trí trống, thanh toán không tiền mặt; cảm biến chuyển động, camera nhận diện biển số tự động (LPR). Kết nối dữ liệu liên thông với Trung tâm điều hành số của Nhà trường và tuân thủ các tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng không gian công viên, quảng trường, tiêu chuẩn LEED và Green Campus về công trình xanh.

3. Phương án quy hoạch – kiến trúc tổng thể

Quy hoạch theo mô hình “Trường – Viện – Bệnh viện trong cùng khu phức hợp”, đảm bảo tính liên thông, thân thiện môi trường, với tỷ lệ cây xanh trên 40%.

4. Giải pháp kỹ thuật và công nghệ

Ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng; thiết kế kiến trúc thông minh, thân thiện, đạt chuẩn quốc tế.

4.1. Ứng dụng chuyển đổi số toàn diện

Xây dựng hệ thống quản lý trường học số, tích hợp dữ liệu toàn diện từ giảng dạy, quản lý sinh viên, giảng viên và các hoạt động học thuật. Hệ thống này giúp tối ưu hóa các quy trình quản lý, tạo ra một môi trường học tập số hóa, linh hoạt và hiệu quả.

Áp dụng công nghệ trong việc quản lý hồ sơ học tập, giúp đảm bảo tính bảo mật, minh bạch và truy xuất dễ dàng.

Triển khai phần mềm quản lý hành chính điện tử, hỗ trợ tự động hóa các quy trình công việc, từ xét duyệt hồ sơ, quản lý tài chính, đến việc ký văn bản điện tử, giảm thiểu thủ tục hành chính và tiết kiệm thời gian.

4.2. Công nghệ thông minh trong quản lý cơ sở vật chất

Sử dụng Internet vạn vật (IoT) để giám sát và quản lý các hệ thống cơ sở vật chất trong trường như: hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, năng lượng và an ninh.

Triển khai quản lý thông minh trong các tòa nhà với các hệ thống như thẻ chip, nhận diện khuôn mặt và hệ thống kiểm soát truy cập tự động. Điều này không chỉ tăng cường an ninh mà còn tạo thuận lợi cho sinh viên và cán bộ trong việc sử dụng các tiện ích trong khuôn viên trường.

4.3. Mô hình lớp học thông minh (Smart Classroom)

Tích hợp công nghệ Thực tế ảo/Tăng cường vào giảng dạy để cung cấp trải nghiệm học tập sinh động và thực tế cho sinh viên, đặc biệt là trong các môn học y khoa, giúp mô phỏng các tình huống lâm sàng và thực hành y tế.

Cập nhật hệ thống phần mềm dạy học số hỗ trợ giảng viên trong việc xây dựng bài giảng, chia sẻ tài liệu học tập và tạo ra các bài kiểm tra trực tuyến. Hệ thống này cũng sẽ cho phép giảng viên theo dõi sự tiến bộ của sinh viên và phân tích dữ liệu học tập.

4.4. Ứng dụng công nghệ AI trong đào tạo và nghiên cứu

Ứng dụng AI (Trí tuệ nhân tạo) trong việc hỗ trợ học tập, chẩn đoán và dự đoán các xu hướng trong giáo dục và nghiên cứu y học. AI sẽ hỗ trợ giảng viên trong việc tạo ra các bài giảng phù hợp với từng đối tượng người học, tối ưu hóa phương pháp giảng dạy.

Phát triển các hệ thống AI y tế cho phép mô phỏng và phân tích bệnh lý, hỗ trợ sinh viên và các bác sĩ trong công tác nghiên cứu, điều trị và chẩn đoán.

4.5. Mô hình Bệnh viện thông minh và ứng dụng công nghệ trong chăm sóc sức khỏe

Phát triển bệnh viện trường thành bệnh viện thông minh, nơi sử dụng bệnh án điện tử (EMR), hệ thống lưu trữ và chia sẻ hình ảnh y tế (PACS), hệ thống quản lý bệnh viện (HIS) và hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS) để tối ưu hóa quy trình khám chữa bệnh, đồng thời hỗ trợ nghiên cứu và đào tạo.

Sử dụng công nghệ telemedicine (y tế từ xa) giúp kết nối các bác sĩ và bệnh nhân từ xa, nâng cao khả năng chăm sóc sức khỏe cho các khu vực không thể tiếp cận dịch vụ y tế.

4.6. Hệ thống nghiên cứu khoa học và công nghệ số

Xây dựng các phòng thí nghiệm số với các thiết bị hiện đại hỗ trợ nghiên cứu y học và dược học. Các phòng thí nghiệm được trang bị công nghệ máy học và dữ liệu lớn (Big Data) để phân tích và mô phỏng các nghiên cứu y khoa, giúp tối ưu hóa việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học vào thực tế.

Các dự án nghiên cứu sẽ được hỗ trợ bởi AI trong việc phát hiện, phân tích và dự báo kết quả, đồng thời thúc đẩy các cơ hội hợp tác nghiên cứu quốc tế.

4.7. Môi trường học tập và nghiên cứu tích hợp dữ liệu

Xây dựng một hệ sinh thái học tập kết nối giữa các đơn vị trong trường, với việc sử dụng công nghệ để kết nối các nguồn tài nguyên học liệu, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử và các cơ sở nghiên cứu. Hệ sinh thái này sẽ được kết nối với các đối tác quốc tế, mở rộng cơ hội hợp tác nghiên cứu và học tập.

4.8. Kết nối cộng đồng và hệ sinh thái mở

Kết nối với các cơ sở nghiên cứu và bệnh viện thực hành phục vụ đào tạo và chuyển giao kỹ thuật đặc biệt là các bệnh viện tại trung tâm y tế của tỉnh.

5. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn

Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 5.000 tỷ đồng, trong đó: 3.000 tỷ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; 2.000 tỷ đầu tư trang thiết bị hiện đại, thông minh phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh.

Nguồn vốn: 40% ngân sách nhà nước, 40% PPP, 10% viện trợ quốc tế, 10% liên kết đào tạo và dịch vụ.

6. Tiến độ thực hiện

- Từ năm 2026-2027: Chuẩn bị đầu tư, quy hoạch chi tiết, GPMB;
- Từ năm 2028-2029: Lập và trình thẩm định, duyệt dự án đầu tư xây dựng;
- Từ năm 2030-2034: Thi công hạ tầng, các hạng mục công trình;
- Từ năm 2034-2035: Lắp đặt thiết bị; Nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác hoạt động.

PHẦN THỨ BA: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chủ trì và phối hợp

Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế.

Đơn vị phối hợp: UBND tỉnh Hưng Yên và các Sở, ngành liên quan.

Đơn vị thực hiện: Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

2. Cơ chế quản lý

Thành lập Ban Quản lý Dự án; áp dụng quản lý số hóa (BIM, PMIS); công khai, minh bạch quy trình đầu tư.

3. Tiến độ thực hiện

- Từ năm 2026-2027: Chuẩn bị đầu tư, quy hoạch chi tiết, GPMB;

- Từ năm 2028-2029: Lập và trình thẩm định, duyệt dự án đầu tư xây dựng;

(Để phù hợp với tình hình thực tế Dự án sẽ được phân chia thành các dự án thành phần và phân kỳ đầu tư theo chỉ đạo của Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên).

- Từ năm 2030-2034: Thi công hạ tầng, các hạng mục công trình;

- Từ năm 2034-2035: Lắp đặt thiết bị; Nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác hoạt động.

4. Hiệu quả dự án

Tạo trung tâm đào tạo, nghiên cứu, y tế hiện đại – Thông minh – Đạt chuẩn cơ sở Giáo dục đại học; việc làm cho 3.000 lao động; đóng góp phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Hưng Yên và đất nước.

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

- Chấp thuận chủ trương đầu tư và bố trí quỹ đất 50 ha trong quy hoạch, đã được giải phóng mặt bằng, san lấp, để thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể của Tỉnh. (Trong đó diện tích theo quy chuẩn 30ha. Diện tích dự trữ 20ha)

- Về phương án vị trí xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học, theo mô hình Trường Đại học thông minh: Theo dự kiến quy hoạch của tỉnh tại phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên và nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 1, nhiệm kỳ 2025 – 2030 *“Tập trung đầu tư xây dựng tại các phường khu vực phía Nam tỉnh thành trung tâm giáo dục (nòng cốt là phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Đại học Thái Bình đạt trình độ tiên tiến khu vực và đạt chuẩn quốc tế); trung tâm dịch vụ y tế chất lượng cao của vùng ven biển phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, kết nối với hệ thống y tế hiện đại tại tỉnh và Hà Nội”*.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án bằng nguồn kinh phí của tỉnh.

2. Kiến nghị với Bộ Giáo dục và đào tạo

- Hướng dẫn mô hình Đại học Thông minh.

3. Kiến nghị với Bộ Y tế

- Hướng dẫn mô hình Đại học Thông minh gắn với bệnh viện trường.

- Hỗ trợ triển khai y học chính xác, công nghệ AI trong y tế;

- Bổ sung dự án *“Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học, theo mô hình trường Đại học thông minh”* vào danh mục trọng điểm giai đoạn 2026 – 2030 và bố trí kinh phí theo Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

4. Kiến nghị với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan

- Bổ sung cơ sở vào mạng lưới bệnh viện thực hành;

- Hướng dẫn cơ chế tài chính, PPP và đấu thầu minh bạch.

5. Cam kết của Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư và bố trí quỹ đất, Nhà trường sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn có đủ năng lực xây dựng dự án *“Xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Bình đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học, theo mô hình trường Đại học thông minh”* từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường đảm bảo chất lượng, hiệu quả và theo đúng quy định, hướng dẫn. Bố trí kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường phối hợp thực hiện dự án.

Trường Đại học Y Dược Thái Bình cam kết tuân thủ pháp luật, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, vận hành công trình an toàn, phát huy giá trị.

KẾT LUẬN

Dự án là bước đột phá trong chiến lược phát triển giáo dục – y tế của tỉnh Hưng Yên và Bộ Y tế, góp phần xây dựng trung tâm đào tạo, nghiên cứu và y học thông minh khu vực đồng bằng sông Hồng kết nối với Khu công nghiệp Dược sinh học tại Quỳnh Phụ. Thực hiện thành công Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030.

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN
(Theo chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Bình
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035)⁵

TT	Chỉ số	Mục tiêu 2025	Kết quả 11/2025	Mục tiêu 2035
1	Đào tạo			
1.1	Quy mô			
1.1.1	Đại học chính quy	7.000 SV	Vượt	8.000 SV
1.1.2	Sau đại học	600 HV	Vượt	1.200 HV
1.1.3	Các hệ khác	1.000 HV	Vượt	1.500 HV
1.1.4	Tỷ lệ tăng tuyển sinh ĐH chính quy/năm	4,5 - 5,5%	Đạt	≤ 10%
1.1.5	Tỷ lệ tăng tuyển sinh SDH/năm	4,0%	Đạt	≤ 10%
1.1.6	Mở thêm ngành học mới	ĐH: 1, SDH: 5	Đạt	ĐH: ≥ 2, SDH: 10
1.2	Kiểm định Trường và Kiểm định Chương trình đào tạo	Tất cả (CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép)	Đạt	Tất cả
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Số lượng nhóm nghiên cứu	03	Đạt	06
2.2	Số lượng nhóm nghiên cứu mạnh	01	Không đạt	03
2.3	Số nhóm nghiên cứu trọng điểm	0	Không đạt	1
2.4.	Số viên chức, người lao động tham gia các đề tài NCKH	50%	Đạt	70%
2.5	Số lượng công bố khoa học	30% GV	Đạt	40% GV

⁵ Nghị quyết số 86/NQ-HĐTYDTB ngày 22/6/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

TT	Chỉ số	Mục tiêu 2025	Kết quả 11/2025	Mục tiêu 2035
3	Hợp tác, đối tác			
3.1	Số lượng bản ghi nhớ hợp tác (MOU) mới	20	Đạt	40
3.2	Số lượng chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu mới	12	-	25
3.3	Số lượng sinh viên quốc tế	450 - 600SV	Vượt	600 SV
4	Tài chính			
4.1	Tăng nguồn thu hợp pháp	20-30%/năm	Đạt	15 - 20%/năm
4.2	Kinh phí tiết kiệm hằng năm	20% - 30% tổng thu	Đạt	20% - 30% tổng thu
5	Tổ chức cán bộ			
5.1	Tuyển dụng giảng viên	20 - 25 GV/năm	Đạt	8 - 12 GV/năm
5.2	Tuyển dụng chuyên viên	8 - 12 NV/năm	Đạt	5 - 10 NV/năm
5.3	Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học vị tiến sỹ	25% GV	-	> 40% GV
5.4	Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư	7% GV	-	12% GV

PHỤ LỤC 2

**THÔNG TIN CÔNG KHAI CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH (HEMIS - 31/12/2024)**

Bảng 1B: Tình trạng hoàn thiện các văn bản theo quy định của Luật GDĐH

	TÊN VĂN BẢN	TÌNH TRẠNG	SỐ VĂN BẢN
1	Chiến lược, kế hoạch phát triển	Đã ban hành	
	Chiến lược phát triển	Đã ban hành	86/NQ-HĐTYDTB
2	Quy chế tổ chức và hoạt động	Đã ban hành	
	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Đã ban hành	18/NQ-HĐTYDTB
	Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và Quy trình bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với chức vụ Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường	Đã ban hành	48/NQ-HĐTYDTB
	Quy trình bổ nhiệm lại chức vụ phó hiệu trưởng Trường ĐHYDTB	Đã ban hành	26/NQ-HĐTYDTB
3	Quy chế tài chính	Đã ban hành	
	Quy chế Quản lý tài chính của Trường	Đã ban hành	14/NQ-HĐTYDTB
	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024	Đã ban hành	125/NQ-HĐTYDTB
4	Quy chế dân chủ	Đã ban hành	
	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường	Đã ban hành	144/NQ-HĐTYDTB
5	Danh mục vị trí việc làm	Đã ban hành	
	Danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí thuộc Trường	Đã ban hành	160/NQ-HĐTYDTB
6	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Đã ban hành	
	Quy chế tuyển dụng, hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường ĐHYDTB	Đã ban hành	88/NQ-HĐTYDTB
7	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Đã ban hành	
	Quy định các chế độ đối với người học của Trường	Đã ban hành	67/NQ-HĐTYDTB
	Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035	Đã ban hành	130/NQ-HĐTYDTB

TIÊU CHUẨN 2: GIẢNG VIÊN

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	NGUỒN	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
2.1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	40	25,3	Đạt
2.2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	70%	99,73%	Đạt
2.3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	40%	29,78%	Không đạt

Bảng 2A: Đội ngũ giảng viên toàn thời gian

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Trình độ ⁽¹⁾			Tổng số
		ĐH	ThS	TS	
1	Số giảng viên toàn thời gian	43	214	109	366
2	Số giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	43	214	108	365
3	Số giảng viên toàn thời gian có chỗ làm việc riêng biệt (diện tích tối thiểu 6m2/giảng viên)	19	180	98	297

Ghi chú
⁽¹⁾ Lưu ý: Số giảng viên có trình độ tiến sĩ kê khai ở đây BAO GỒM những người có chức danh giáo sư, phó giáo sư

TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	NGUỒN	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
3.1	Diện tích đất/người học (m2)	25		
3.2.1	Diện tích sàn xây dựng/người học (m2)	2,8	5,02	Đạt
3.2.2	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt (%)	70%	81,1%	Đạt
3.3.1	Số đầu sách/ngành đào tạo	40	79,92	Đạt
3.3.2	Số bản sách/người học	5	28	Đạt
3.4.1	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến (%)	10%	66,94%	Đạt
3.4.2	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	100	102,9	Đạt

Bảng 3A: Khuôn viên trụ sở chính và các phân hiệu

	KHUÔN VIÊN	Ký hiệu	Hình thức sử dụng	Diện tích đất (m ²)	Vị trí khuôn viên (Kvt)	Diện tích quy đổi (m ²)	Địa chỉ
	Trụ sở chính	[YTB] - Số 22a/QĐ-UB	Sở hữu	1924	1	1924	Tổ 1, phường Đề Thám, Tp Thái Bình
	TỔNG SỐ (S)			86282,5		86282,5	
	Trụ sở chính	[YTB] - L 843972	Sở hữu	38443.2	1	38443.2	373 phố Lý Bôn, thành phố Thái Bình
	Trụ sở chính	[YTB] - BA 224062	Sở hữu	45915.3	1	45915.3	Đường Ngô Quyền - Phường Kỳ Bá - Thành phố Thái Bình

Bảng 3B: Công trình phục vụ đào tạo

	CÔNG TRÌNH	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng	Hệ số diện tích sử dụng cho đào tạo (Ksd)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo (m ²)	Địa chỉ
	Nhà 7T	[YTB] - D	10080	0.7	7056	Số 373 Lý Bôn - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	Nhà 9T	[YTB] - C	16707	0.7	11694.9	Số 373 Lý Bôn - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	Đại giảng đường	[YTB] - A1	482	0.7	337.4	Số 373 Lý Bôn - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	Nhà 4 tầng	[YTB] - B	8260	0.7	5782	Số 373 Lý Bôn - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	TỔNG SỐ		56275		39392,5	
	Nhà 15T	[YTB] - A	17000	0.7	11900	373 Lý Bôn - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	Xưởng thực hành Dược	[YTB] - E	600	0.7	420	Đường Ngô Quyền - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	Nhà chế phẩm vi sinh	[YTB] - F	120	0.7	84	Đường Ngô Quyền - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	Nhà thể chất đa năng	[YTB] - G	1652	0.7	1156.4	Đường Ngô Quyền - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình
	Nhà học lâm sàng	[YTB] - B1	1374	0.7	961.8	Số 373 Lý Bôn - P. Kỳ Bá - Tp Thái Bình

Bảng 3C: Giáo trình, sách chuyên khảo

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Giá trị	Nơi lưu trữ
1	Tổng số ngành đào tạo các trình độ	13	
2	Tổng số đầu giáo trình, sách chuyên khảo cần có	520	
3	Số đầu sách điện tử có truy cập trực tuyến	53	Thư viện tại toà nhà 4T
4	Số đầu sách có bản in	986	Thư viện tại toà nhà 4T
5	Số bản sách in có thể mượn trực tiếp	66739	Thư viện tại toà nhà 4T
6	Số bản sách in/người học	13	
7	Số bản sách (in và điện tử)/người học	28	

Bảng 3D: Hạ tầng công nghệ thông tin

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Giá trị	Ghi chú
1	Tốc độ hoặc băng thông đường truyền Internet (Mbps)	720	
2	Tổng số học phần giảng dạy trong năm học	369	
3	Tổng số học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến > 50%	247	

TIÊU CHUẨN 4: TÀI CHÍNH

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	NGƯỠNG	THỰC TẾ	KẾT QUẢ	GIẢI TRÌNH
4.1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0%; 30%	25,47%	Đạt	
4.2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0,0%	1,57%	Đạt	

Bảng 4: Tình hình thu chi hoạt động trong năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	2024	2023	2022	2021
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	313.887	214.817	274.728	244.004
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0	0	0
II	Thu giáo dục và đào tạo	298.612	202.988	263.561	236.26
1	Học phí, lệ phí từ người học	216.823	116.94	129.07	106.778
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	51.49	67.767	110.774	107.161
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0	0	0
4	Thu khác	30.299	18.281	23.717	22.321
III	Thu khoa học và công nghệ	6.402	4.94	4.3	2.137
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0.324	0.5	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	6.078	4.44	4.3	2.137
3	Thu khác	0	0	0	0
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	8.873	6.889	6.867	5.607
	<i>Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên</i>	<i>216.823</i>	<i>116.94</i>	<i>129.07</i>	<i>106.778</i>
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	208.792	179.02	202.613	194.732
I	Chi lương, thu nhập	85.715	67.989	65.224	64.906
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	72.925	58.254	55.347	55.238
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	12.79	9.735	9.877	9.668
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	100.281	97.44	128.144	125.338
1	Chi cho đào tạo	93.921	91.909	121.793	116.541
2	Chi cho nghiên cứu	5.463	4.484	5.561	7.678
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0.897	1.047	0.79	1.119
4	Chi phí chung và chi khác	0	0	0	0
III	Chi hỗ trợ người học	16.874	6.676	6.651	0.665
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	16.53	6.291	6.419	0.46
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0.027	0.012	0.006	0.003
3	Chi hoạt động khác	0.317	0.373	0.226	0.202
IV	Chi khác	5.922	6.915	2.594	3.823
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	105.1	35.8	72.12	49.27
	<i>Chênh lệch thu chi/Tổng thu</i>	<i>33.48</i>	<i>16.67</i>	<i>26.25</i>	<i>20.19</i>

TIÊU CHUẨN 5: TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	NGUỒN	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
5.1.1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	50,0%	94,2%	Đạt
5.1.2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	-30,0%	41,7%	Đạt
5.2.1.	Tỉ lệ thôi học	10,0%	-7,69%	Đạt
5.2.2	Tỉ lệ thôi học năm đầu	15,0%	0%	Đạt
5.3.1	Tỉ lệ tốt nghiệp	60,0%	93,5%	Đạt
5.3.2	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	40,0%	90,6%	Đạt
5.4.1	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	70,0%	90%	Đạt
5.4.2	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	70,0%	88,4%	Đạt
5.5	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	70,0%	96,5%	Đạt

Bảng 5A: Kết quả đào tạo và tuyển sinh (cả ĐH và SĐH)

Thời điểm thống kê: 31/12/2024

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	2024	2023	2022	2021	2020	2019	2018	2017	2016	2015
	Thông kê quy mô đào tạo, tuyển sinh của 10 năm⁽¹⁾										
1	Tổng số sinh viên có mặt cuối năm	6596	6032	5816	4655	6671	6601	6454	6418	6219	6171
2	Chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch từng năm	1606	1480	1220	0	1098	1140	1574	1280	1340	1160
3	Số nhập học mới của từng năm	1609	1227	1214	1216	1057	973	1598	1233	1356	1073
	<i>Tỉ lệ nhập học = Số nhập học/chỉ tiêu</i>	<i>100. 2</i>	<i>82.9</i>	<i>99.5</i>	<i>0</i>	<i>96.3</i>	<i>85.4</i>	<i>101. 5</i>	<i>96.3</i>	<i>101. 2</i>	<i>92.5</i>
	Thông kê tình trạng từng KHÓA (K) theo năm nhập học⁽²⁾										
5	Số hiện tại đang theo học tại cơ sở đào tạo ⁽³⁾	1605	1227	1180	1118	795	652	31	13	1	0
6	Số tốt nghiệp trong năm qua, đúng hạn	0	0	14	0	0	0	1428	0	0	0

7	Số tốt nghiệp trong năm qua quá hạn, không chậm quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn	0	0	0	21	0	4	12	0	0	0
8	Số tốt nghiệp trong năm qua, chậm quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Số tốt nghiệp đúng hạn/số nhập học (%)</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.2</i>	<i>0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>	<i>89.4</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>
	<i>Số tốt nghiệp quá hạn, không chậm quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn/số nhập học (%)</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.7</i>	<i>0.0</i>	<i>0.4</i>	<i>0.8</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>
	<i>Số tốt nghiệp quá hạn chậm quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn/số nhập học (%)</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>	<i>0.0</i>

Ghi chú:

- (1) Thống kê tối đa 10 năm để có số liệu tính toán tỉ lệ tốt nghiệp trong trường hợp CSGDĐH có chương trình đào tạo tới 6 năm (như các ngành đào tạo Bác sĩ Y khoa) và thống kê số liệu tại thời điểm cuối năm thống kê (31 tháng 12), tính tổng số sinh viên đại học và học viên sau đại học
- (2) Số liệu của các chỉ số 5, 6 và 7 ghi vào ô của từng năm theo số sinh viên nhập học của năm đó, hiện còn đang theo học (5) hay đã tốt nghiệp trong năm qua (6, 7), cả đại học và sau đại học
- (3) Cộng số sinh viên hiện tại đang theo học tại cơ sở đào tạo của tất cả năm nhập học đúng bằng tổng số sinh viên có mặt cuối năm thống kê (31 tháng 12).

Bảng 5B: Quy mô đào tạo theo lĩnh vực và theo trình độ đào tạo*Thời điểm thống kê:*

	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO	QUY MÔ ĐH			QUY MÔ SDH		TỔNG
		CQ	VLVH	ĐTTX	ThS	TS	
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0	0	0	0	0
2	Nghệ thuật	0	0	0	0	0	0
3	Nhân văn	0	0	0	0	0	0
4	Khoa học xã hội và hành vi	0	0	0	0	0	0
5	Báo chí và thông tin	0	0	0	0	0	0
6	Kinh doanh và quản lý	0	0	0	0	0	0
7	Pháp luật	0	0	0	0	0	0
8	Khoa học sự sống	0	0	0	0	0	0
9	Khoa học tự nhiên	0	0	0	0	0	0
10	Toán và thống kê	0	0	0	0	0	0
11	Máy tính và công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0
12	Công nghệ kỹ thuật	0	0	0	0	0	0
13	Kỹ thuật	0	0	0	0	0	0
14	Sản xuất và chế biến	0	0	0	0	0	0
15	Kiến trúc và xây dựng	0	0	0	0	0	0
16	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	0	0	0	0	0	0
17	Thú y	0	0	0	0	0	0
18	Sức khỏe	6441	93	0	48	13	6595
19	Dịch vụ xã hội	0	0	0	0	0	0
20	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0	0	0	0	0	0
21	Dịch vụ vận tải	0	0	0	0	0	0
22	Môi trường và bảo vệ môi trường	0	0	0	0	0	0
23	An ninh, quốc phòng	0	0	0	0	0	0
24	Lĩnh vực khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	6441	93	0	48	13	6595

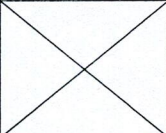
Bảng 5B: Quy mô đào tạo theo lĩnh vực và theo trình độ đào tạo**Thời điểm thống kê:**

	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO	Quy đổi về giảng dạy		Quy đổi về diện tích		Hệ số kinh phí	Hệ số công bố	Hệ số quy đổi
		KGD	Số lượng	KDT	Số lượng	KTC	KBB	KLV
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1	0	1	0	2	1.5	0
2	Nghệ thuật	2	0	1.5	0	2	2	0
3	Nhân văn	0.8	0	0.8	0	2	2	0
4	Khoa học xã hội và hành vi	0.8	0	0.8	0	2	1.5	0
5	Báo chí và thông tin	1	0	1	0	2	1.5	0
6	Kinh doanh và quản lý	0.8	0	1	0	2	1.5	0
7	Pháp luật	1	0	1	0	2	1.5	0
8	Khoa học sự sống	1	0	1.2	0	1.5	1	0
9	Khoa học tự nhiên	1	0	1.2	0	1.5	1	0
10	Toán và thống kê	0.8	0	1	0	1.5	1	0
11	Máy tính và công nghệ thông tin	0.8	0	1.2	0	1	1	0
12	Công nghệ kỹ thuật	1	0	1.2	0	1	1	0
13	Kỹ thuật	1	0	1.2	0	1	1	0
14	Sản xuất và chế biến	1	0	1.2	0	1	1	0
15	Kiến trúc và xây dựng	1	0	1.2	0	1.5	1	0
16	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1	0	1.5	0	1.5	1.5	0
17	Thú y	1	0	1.2	0	1.5	1.5	0
18	Sức khỏe	1.4	9258.7 6	1.2	7846.8	1	1	1
19	Dịch vụ xã hội	0.8	0	1	0	2	2	0
20	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0.8	0	1.2	0	2	2	0
21	Dịch vụ vận tải	0.8	0	1.2	0	2	2	0
22	Môi trường và bảo vệ môi trường	1	0	1	0	1.5	1.5	0
23	An ninh, quốc phòng	0.8	0	1.5	0	1	2	0
24	Lĩnh vực khác	1	0	1	0	1	1	0
	Tổng số		9258.76		7846.8			1

TIÊU CHUẨN 6: NGHIÊN CỨU VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	NGUỒN	THỰC TẾ	KẾT QUẢ	GIẢI TRÌNH
6.1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	5,0%	2%	Không đạt	
6.2.1	Số công bố khoa học/giảng viên	0,6	0,7	Đạt	
6.2.2	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0,3	0,1	Không đạt	

Bảng 6A: Công bố khoa học của giảng viên toàn thời gian

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	HỆ SỐ	QUY ĐỔI	GHI CHÚ
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	91	1.0	91	
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	42	1	42	
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	37	3.0	111	37 đầu sách chuyên khảo
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	5.0	0	
	Tổng số	170		244	

PHỤ LỤC KS -1: KẾT QUẢ KHẢO SÁT NGƯỜI HỌC

Phương thức khảo sát:
TRỰC TUYẾN
THEO LỚP

	CÂU HỎI KHẢO SÁT Ý KIẾN ⁽¹⁾	Người học	Số lượt khảo sát ⁽²⁾	Số lượt phản hồi ⁽³⁾	Phản hồi tích cực ⁽⁴⁾	Tỉ lệ phản hồi	Tỉ lệ phản hồi tích cực
1	Anh/Chị hài lòng như thế nào về chất lượng và hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân?	Đại học	24258	24258	21826	100.0	90.0
		Sau đại học	572	572	520	100.0	90.9
		Tổng số	24830	24830	22346	100.0	90.0
2	Anh/Chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình đào tạo và trải nghiệm tại trường đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân?	Đại học	1354	1107	962	81.8	86.9
		Sau đại học	218	218	209	100.0	95.9
		Tổng số	1572	1325	1171	84.3	88.4
3	Trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp, Anh/Chị đã có việc làm, tự tạo việc làm (hoặc đi học tiếp) phù hợp với trình độ đào tạo hay chưa?	Đại học	1354	1296	1250	95.7	96.5

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Câu hỏi khảo sát ý kiến có năm mức độ đánh giá:
 - Đối với câu hỏi 1 và 2: Rất không hài lòng, Không hài lòng, Phân vân, Hài lòng, Rất hài lòng.
 - Đối với câu hỏi 3 (dành cho sinh viên đã tốt nghiệp): Chưa đi tìm việc; Chưa có việc làm; Có việc làm chưa phù hợp với trình độ chuyên môn; Tự tạo việc làm; Có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn; Đã đi học hoặc chuẩn bị đi học trình độ cao hơn.
- ⁽²⁾ Số lượt khảo sát tính theo tổng số lượt người học được gửi và đề nghị trả lời câu hỏi khảo sát (bao gồm tất cả hình thức đào tạo). Đối với hình thức khảo sát theo lớp học, một sinh viên có thể tham gia nhiều lượt khảo sát (theo từng lớp học, đối với từng giảng viên). Đối với các hình thức khảo sát tổng thể, mỗi sinh viên tham gia một lượt khảo sát, số lượt khảo sát bằng tổng số sinh viên. Đối với hình thức khảo sát chọn mẫu, số lượt khảo sát ít nhất bằng 20% số sinh viên và phải mang tính ngẫu nhiên, đại diện cho tất cả các khóa đào tạo và chương trình đào tạo.
- ⁽³⁾ Số lượt sinh viên gửi ý kiến phản hồi hợp lệ (sau khi loại bỏ những phiếu trả lời hoàn toàn trống hoặc những phiếu có chứa thông tin mâu thuẫn, phiếu của một sinh viên gửi nhiều lần...).
- ⁽⁴⁾ Số phản hồi tích cực là số chọn 2 mức độ đánh giá cao nhất:
 - Đối với câu hỏi 1 và 2: Là số lượt sinh viên đánh giá từ mức 'Hài lòng' trở lên (Hài lòng, Rất hài lòng).
 - Đối với câu hỏi 3: Là số lượt sinh viên tốt nghiệp lựa chọn 'Có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn' hoặc 'Tự tạo việc làm' hoặc 'Đã đi học hoặc chuẩn bị đi học trình độ cao hơn'

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
PHẦN THỨ NHẤT	4
SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	4
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
II. CƠ SỞ THỰC TIỄN.....	7
2.1 Bối cảnh quốc tế	7
2.2 Bối cảnh trong nước	7
III. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	9
IV. THỰC TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH.....	11
4.1. Công tác tổ chức và đội ngũ cán bộ	11
4.2. Công tác đào tạo	12
4.3. Công tác nghiên cứu khoa học.....	12
4.4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và khảo thí	13
4.5. Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế	13
4.6. Công tác tài chính và cơ sở vật chất.....	14
4.7. Công tác thư viện và công nghệ thông tin, chuyển đổi số	14
4.8. Công tác bệnh viện.....	15
4.9. Nhu cầu cấp đất để xây dựng và phát triển.....	16
PHẦN THỨ HAI.....	18
ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH ĐẠT CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	18
THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÔNG MINH.....	18
1. Mục tiêu đầu tư.....	20
2. Quy mô và phạm vi đầu tư.....	20
2.1. Nhà điều hành (khoa và các khoa)	20

2.2. Khối nhà giảng đường, phòng thực hành, trung tâm mô phỏng (có kết nối các toà).....	21
2.3. Trung tâm khảo thí và thi cấp phép hành nghề y quốc gia	22
2.4. Bệnh viện đa khoa quy mô 800 giường	22
2.5. Bệnh viện lão khoa 300 giường kết hợp Viện dưỡng lão	23
2.6. Thư viện và học liệu thông minh.....	24
2.7. Khu vui chơi thể thao	24
2.8. Ký túc xá	25
2.9. Hội trường trung tâm.....	26
2.10. Xưởng sản xuất dược (thực hành, thương mại sản phẩm, doanh nghiệp)	26
2.11. Phòng thí nghiệm trọng điểm	27
2.12. Hồ điều hòa và vườn cây xanh sinh thái, bãi đỗ xe.....	28
3. Phương án quy hoạch – kiến trúc tổng thể.....	28
4. Giải pháp kỹ thuật và công nghệ	28
4.1. Ứng dụng chuyển đổi số toàn diện.....	28
4.2. Công nghệ thông minh trong quản lý cơ sở vật chất.....	28
4.3. Mô hình lớp học thông minh (Smart Classroom).....	29
4.4. Ứng dụng công nghệ AI trong đào tạo và nghiên cứu	29
4.5. Mô hình Bệnh viện thông minh và ứng dụng công nghệ trong chăm sóc sức khỏe.....	29
4.6. Hệ thống nghiên cứu khoa học và công nghệ số	29
4.7. Môi trường học tập và nghiên cứu tích hợp dữ liệu	30
4.8. Kết nối cộng đồng và hệ sinh thái mở.....	30
5. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn	30
6. Tiến độ thực hiện	30
PHẦN THỨ BA: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	31
1. Cơ quan chủ trì và phối hợp.....	31

2. Cơ chế quản lý	31
3. Tiến độ thực hiện	31
4. Hiệu quả dự án	31
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	32
1. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	32
2. Kiến nghị với Bộ Giáo dục và đào tạo	32
3. Kiến nghị với Bộ Y tế	32
4. Kiến nghị với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan	32
5. Cam kết của Trường Đại học Y Dược Thái Bình	32
KẾT LUẬN	33
PHỤ LỤC 1 TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN	34
PHỤ LỤC 2	36
THÔNG TIN CÔNG KHAI CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH (HEMIS - 31/12/2024)	36